

Soạn Tiếng Anh 6 Unit 3: Language focus trang 43 (Chân trời sáng tạo)

1. Complete the examples from the quiz on page 42. Then choose the correct answers in Rules 1 - 4.

(Hoàn thành các ví dụ từ câu đố ở trang 42. Sau đó chọn câu trả lời đúng trong Quy tắc 1 - 4.)

Hướng dẫn làm bài

- (1) can
- (2) can't
- (3) Can
- (4) Can
- (5) can't
- (6) Can
- (7) can
- (8) can't

Hướng dẫn dịch

- Một con đại bàng có thể nhìn thấy một con vật nhỏ từ rất xa.
- Đà điểu không thể bay.
- Bọ cạp có thể giết người không? Có, nó có thể / Không, nó không thể
- Voi có thể nghe bằng tai và bằng chân không? Có, nó có thể/ Không, nó không thể

RULES

- 1 We use *can* / *can't* in affirmative sentences.
- 2 We use *can* / *can't* in negative sentences.
- 3 We use *do* and *does* / *can* and *can't* in questions and short answers.
- 4 The *he* / *she* / *it* forms of *can* are **different** / **the same**.

Hướng dẫn làm bài

1. can
2. can't
3. Do, does, can, can't
4. the same

2. Complete the dialogue with can and can't

(Hoàn thành đoạn hội thoại với can/ can't)

Parrot I'm very intelligent. I ¹ can speak five languages.

Snake ² you speak human languages?

Parrot Yes, I ³ Can you speak many languages?

Snake No, I ⁴ , but I ⁵ eat animals which are bigger than me.

Parrot Oh!



Hướng dẫn làm bài

- (2) Can
- (3) can

(4) can't

(5) can

Hướng dẫn dịch

Vẹt: Tớ rất thông minh, tớ có thể nói được năm thứ tiếng.

Rắn: Cậu có thể nói được tiếng của con người không?

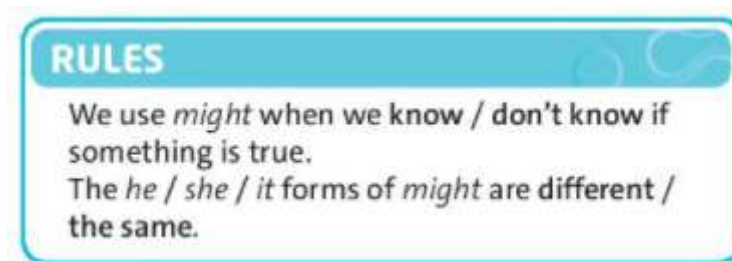
Vẹt: Có, tớ có thể. Cậu nói được bao nhiêu ngôn ngữ?

Rắn: Không, tớ không thể nhưng tớ có thể ăn các loài động vật to hơn tớ

Vẹt: Ohhh

3. Look at the examples of sentences with might. Then choose the correct answers in the Rules.

(Nhìn vào các ví dụ về câu với might. Sau đó chọn câu trả lời đúng trong Nội quy)



Hướng dẫn làm bài

1. *know* 2. *the same*

4. Complete the quiz questions with the words in the box. Then listen and check.

(Hoàn thành các câu hỏi sau với các từ trong bảng. Sau đó nghe và kiểm tra lại)

far long tall heavy fast many

... is a new baby?

How heavy is a new baby?

1 ... can the fastest person run?

2 ... countries are there in the world?

3 ... is an adult giraffe?

4 ... is an adult crocodile?

5 ... is the North Pole from the South Pole?

Hướng dẫn làm bài

1. How fastest can the fastest person run?
2. How many countries are there in the world?
3. How tall is an adult giraffe?
4. How long is an adult crocodile?
5. How far is the North Pole from the South Pole?

Hướng dẫn dịch

1. Người nhanh nhất có thể chạy như thế nào?
2. Có bao nhiêu quốc gia trên thế giới?
3. Con hươu cao cổ trưởng thành cao bao nhiêu?
4. Cá sấu trưởng thành dài bao nhiêu?
5. Cực Bắc cách cực Nam bao xa?

5. Look at the Key Phrases. Answer the questions in exercise 4 with the information in the box. Use the Key Phrases. Then compare with a partner.

(Nhìn vào các Cụm từ chính. Trả lời các câu hỏi trong bài tập 4 với thông tin trong ô trống. Sử dụng các Cụm từ chính. Sau đó so sánh với một đối tác.)

Hướng dẫn làm bài

1. The fastest person can run 44 kilometres an hour

2. There are 195 countries in the world
3. An adult giraffe is 4 metres
4. An adult crocodile is around 5 and 6 metres
5. It is 20,014 kilometres

Hướng dẫn dịch

1. Người nhện ăn có thể chạy 44 km một giờ
2. Có 195 quốc gia trên thế giới
3. Một con hươu cao cổ trưởng thành cao 4 mét
4. Một con cá sấu trưởng thành cao khoảng 5 và 6 mét
5. Nó là 20.014 km

6. Ask and answer questions with How....? Find people in the class with the same answer as yours.

(Hỏi và trả lời câu hỏi với How? Tìm những người trong lớp có cùng câu trả lời với câu trả lời của bạn.)

Hướng dẫn làm bài

Học sinh tự thực hành